Bài giảng 6
Tăng trưởng kinh tế và các tranh luận

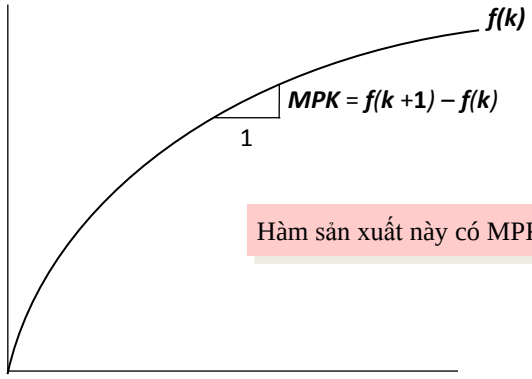
FULBRIGHT
Economics Teaching Program

Nội dung

- Các mô hình tăng trưởng
- Tranh luận về tăng trưởng ở Đông Á
- Tăng trưởng ở Việt Nam

Mô hình tăng trưởng Solow

Sản lượng trên lao động, *y*

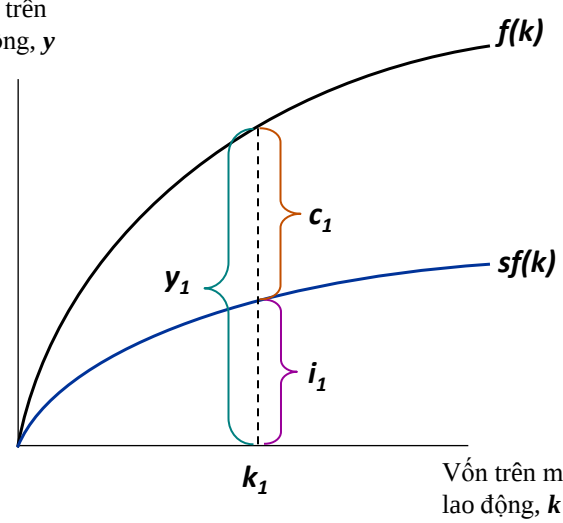


Hàm sản xuất này có MPK giảm dần.

Vốn trên lao động, ***k***

Thu nhập, tiêu dùng, và đầu tư

Sản lượng trên một lao động, *y*



Vốn trên một lao động, ***k***

Tiết kiệm và đầu tư

- *Đầu tư làm tăng trữ lượng vốn, khấu hao làm giảm trữ lượng vốn*

- Thay đổi trữ lượng vốn = Đầu tư – Khấu hao

$$\Delta k = i - \delta k$$

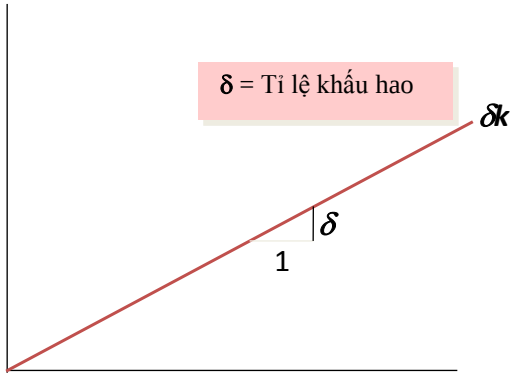
$$\Delta k = sf(k) - \delta k$$

Đây là phương trình trung tâm của mô hình Solow.

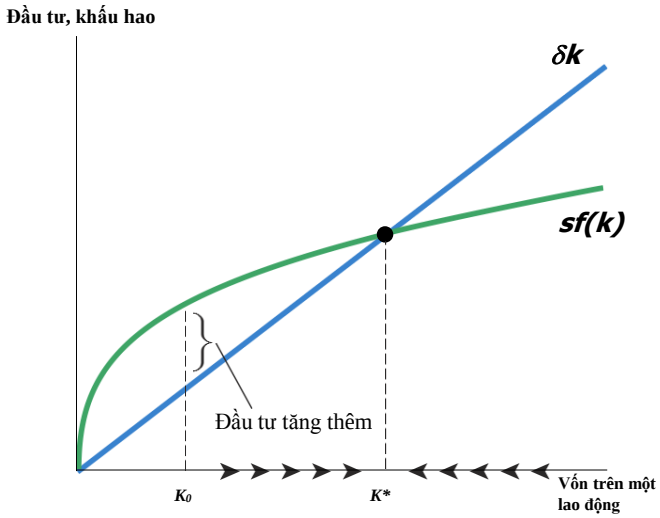
$$\Delta k = s\,f(k) - \delta k$$

Khấu hao

Khấu hao vốn trên lao động, δk

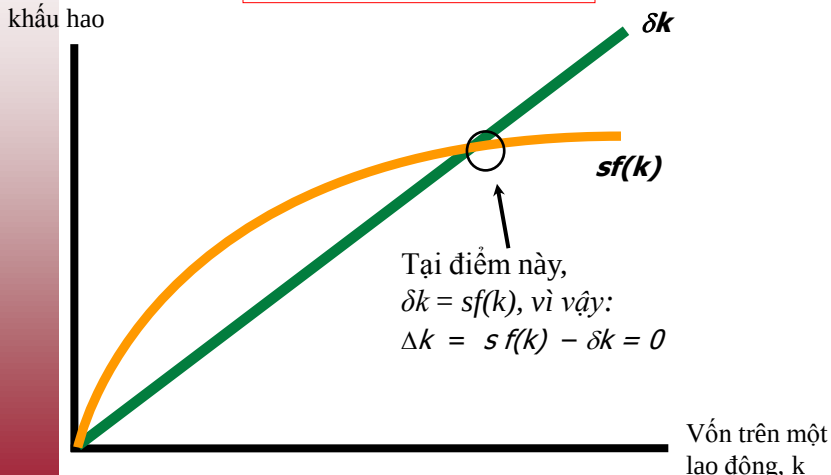


Biểu đồ Solow

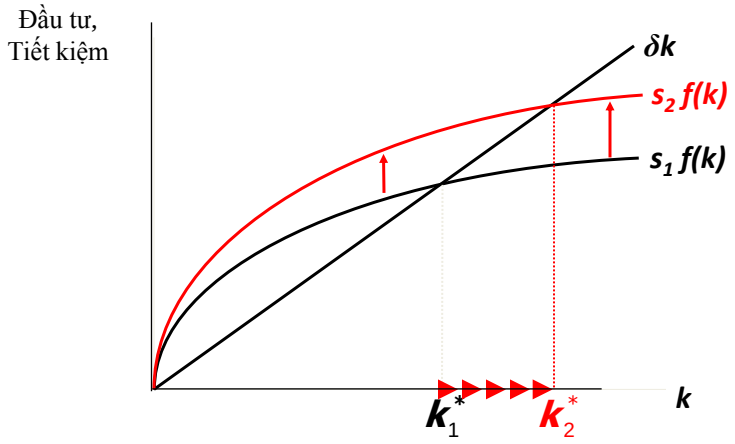


Trạng thái dừng - Steady State

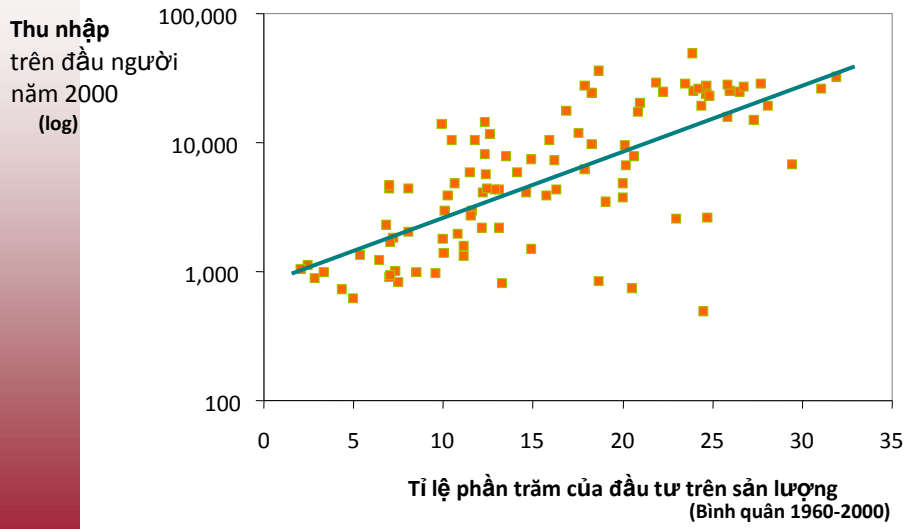
$$\Delta k = s f(k) - \delta k$$



Tỷ lệ tiết kiệm cao hơn



Tiết kiệm và đầu tư thúc đẩy tăng trưởng



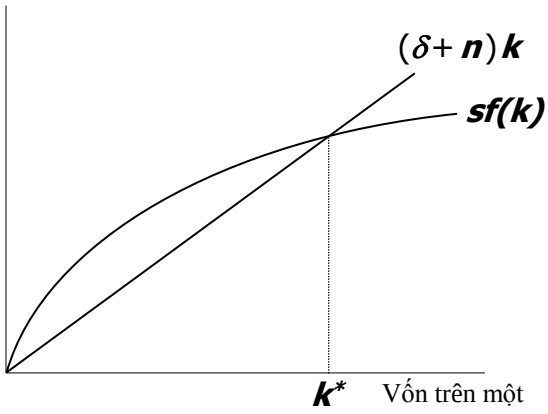
Dân số tăng với tốc độ n

$$\Delta k = s\,f(k) - (\delta + n)k$$

Đầu tư

Ở trạng thái dừng, tốc độ tăng trưởng sản lượng lao động bình quân bằng 0.

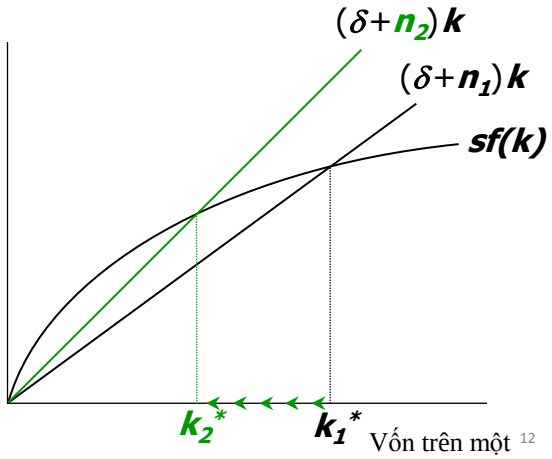
Nhưng tốc độ tăng tổng sản lượng Y sẽ bằng tốc độ tăng của lao động: $g_Y = g_L = n$



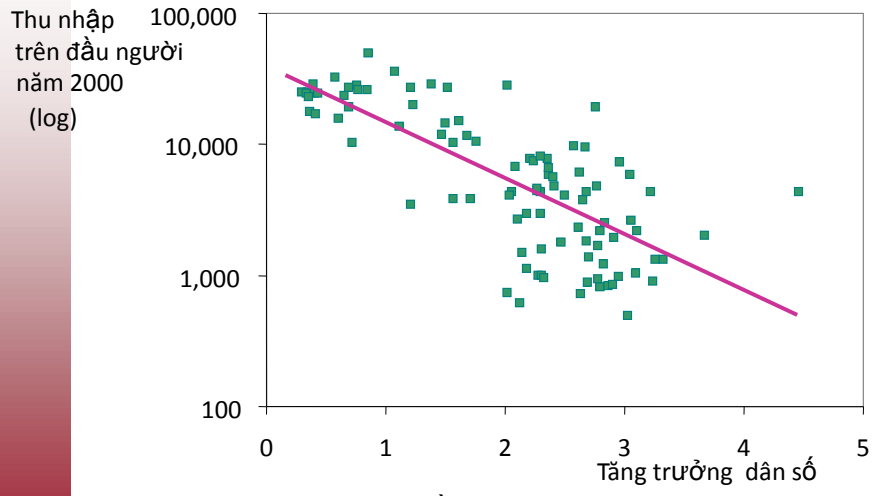
Tỷ lệ tăng dân số cao hơn

Đầu tư

N tăng dẫn đến k* thấp hơn ở trạng thái dừng.



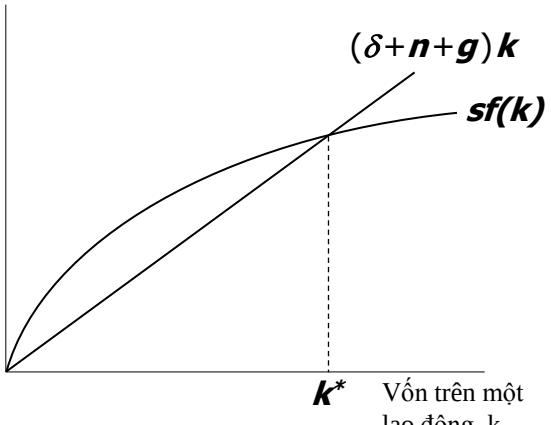
Tăng dân số hạn chế tăng trưởng



(phần trăm một năm; bình quân 1960-2000)

Tiến bộ công nghệ

Đầu tư $\Delta k = s\,f(k) - (\delta + n + g)k$



Trạng thái dừng

Biến	Ký hiệu	Mức tăng trưởng ở trạng thái dừng
Vốn trên một lao động hiệu dụng	$k_e = K/(L \times E)$	0
Sản lượng trên một lao động hiệu dụng	$y_e = Y/(L \times E)$	0
Sản lượng trên lao động	$(Y/L) = y_e \times E$	g
Tổng sản lượng	$Y = y_e \times L \times E$	$n + g$

Ý nghĩa của mô hình tăng trưởng Solow

1. Các nước nghèo có tiềm năng tăng trưởng nhanh.
2. Khi thu nhập quốc gia tăng lên, tăng trưởng có xu hướng chậm lại.
3. Nếu có chung những tính chất quan trọng, các nước nghèo có tiềm năng đuổi kịp các nước giàu.
4. Tăng tỷ lệ tiết kiệm không dẫn đến tăng trưởng bền vững dài hạn.
5. Tiến bộ công nghệ mới là yếu tố quyết định để duy trì tăng trưởng bền vững.

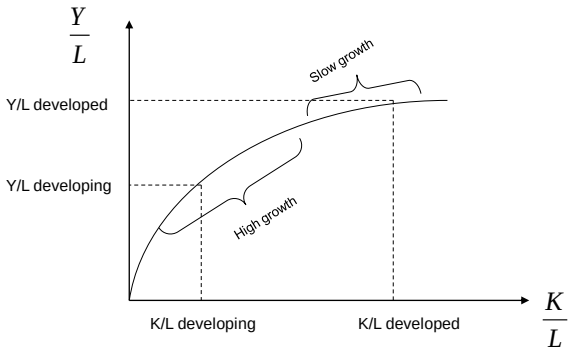
Các mô hình tăng trưởng nội sinh Endogenous Growth

- Romer (1993): Sản lượng có quan hệ với vốn, lao động, và tri thức, trong đó đầu tư cho giáo dục và đào tạo có thể làm tăng tri thức.
- Lucas (1988): Vốn con người (human capital) có hiệu suất tăng dần theo qui mô, và tăng trưởng phụ thuộc vào mức độ đầu tư cho từng loại vốn.
- Grossman và Helpman (1991): Thông qua tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp có động cơ đầu tư cho các hoạt động R&D (Research and Development). Chính sách có thể có tác động quan trọng đối với tăng trưởng trong dài hạn.

Cuộc tranh luận về hội tụ

- Các nước nghèo đã đuổi kịp?
- Mức thu nhập của các nước nghèo đã hội tụ với các nước giàu?
- Một số, nhưng chỉ là thiểu số.
  Ví dụ về hội tụ: Nhật Bản, Pháp, Anh và Mỹ.
- Các nước phải có chung những đặc điểm then chốt như:
  - Chính sách chính phủ
  - Tỷ lệ tiết kiệm (đầu tư)
  - Nguồn tài nguyên thiên nhiên
  - Các đặc điểm về địa lý

Nước nghèo có thể đuổi kịp?



Chúng ta biết gì về tăng trưởng?

- Tăng trưởng do tích lũy vốn
- Tăng trưởng do công nghệ
- Các yếu tố thể chế

Những điều kiện quan trọng cho tăng trưởng tại Đông Á

- **Dân số có trình độ giáo dục tốt ở các cấp**
  Đông Á xuất phát từ nền tảng văn hóa Khổng giáo vững chắc và phát huy trên nền tảng đó.
- **Tỉ lệ tiết kiệm và đầu tư cao**
  Thay đổi nhân khẩu học nhanh chóng khi tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong giảm nhanh, tạo điều kiện cho tiết kiệm cao.
- Chính sách của nhà nước là rất quan trọng trong việc đảm bảo suất sinh lợi cao trong đầu tư, từ đó dẫn đến tiết kiệm nội địa cao để chuyển sang đầu tư (và sẽ mang tiết kiệm nước ngoài vào thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài – FDI).
- **Định hướng mở cửa với bên ngoài (thúc đẩy xuất khẩu, FDI)**
  Chủ yếu sẽ giúp ngành sản xuất công nghiệp tăng trưởng nhanh chóng, vì xuất khẩu không bị ràng buộc bởi qui mô nhỏ của thị trường nội địa.

Những điều kiện quan trọng cho tăng trưởng tại Đông Á

- **Sử dụng vốn đầu tư khôn khéo vào những hoạt động đầu tư cho năng suất cao**.
  Các nước giàu tài nguyên đặc biệt khó khăn khi làm việc này (Indonesia, thập niên 90 và phần lớn lục địa châu Phi), ngược lại đa số các nước Đông Á lại nghèo về tài nguyên (ngoại trừ một số vùng ở Đông Nam Á).
- **Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định**
  (Lạm phát thấp, thâm hụt ngân sách và tài khoản vãng lai trong tầm kiểm soát)
- **Môi trường chính trị ổn định có lợi cho đầu tư.**
  (Chính sách, bộ máy nhà nước, các cuộc cách mạng, nội chiến)

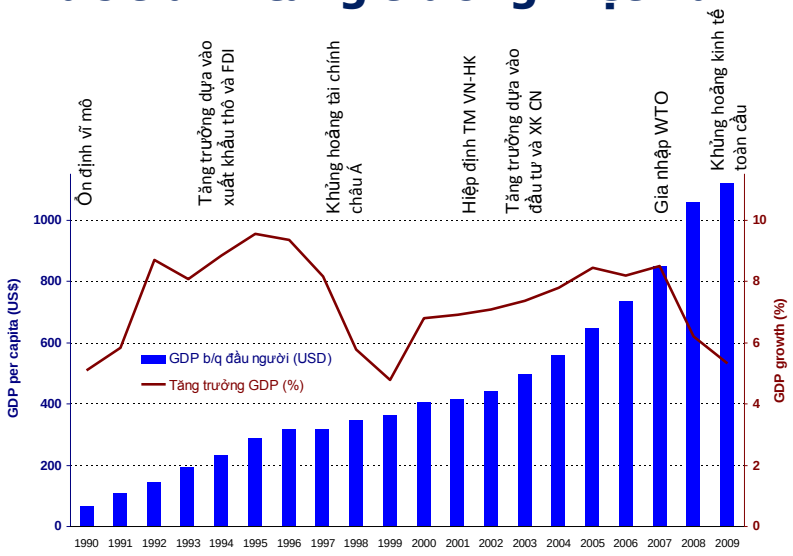
Đặc điểm của các nước tăng trưởng nhanh

1. Ổn định chính trị và kinh tế vĩ mô
2. Đầu tư vào y tế và giáo dục
3. Các thể chế và quản lý nhà nước hữu hiệu
4. Môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân
5. Điều kiện địa lý thuận lợi

Cơ hội tăng trưởng ở các nước Đông và Đông Nam Á

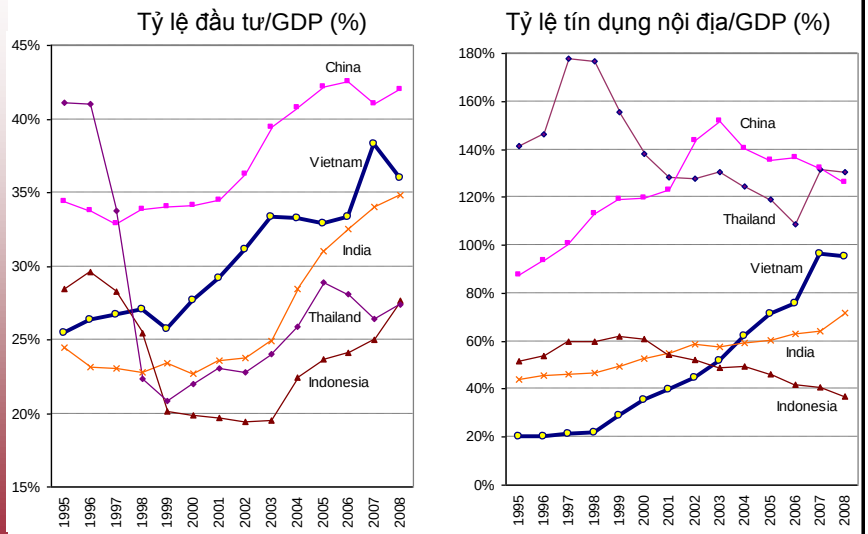
1. Dân số có trình độ giáo dục tốt ở các cấp
2. Tỉ lệ tiết kiệm và đầu tư cao
3. Định hướng mở cửa với bên ngoài (thúc đẩy xuất khẩu, FDI)
4. Sử dụng vốn đầu tư khôn khéo vào những hoạt động đầu tư cho năng suất cao.
5. Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định (lạm phát thấp, thâm hụt tài khoản vãng lai trong tầm kiểm soát)
6. Môi trường chính trị ổn định có lợi cho đầu tư.

Bức tranh tăng trưởng Việt Nam



Nguồn: Nguyễn Xuân Thành (2010), tính toán từ số liệu Tổng cục Thống kê Việt Nam

Đầu tư và mở rộng tài chính thúc đẩy tăng trưởng

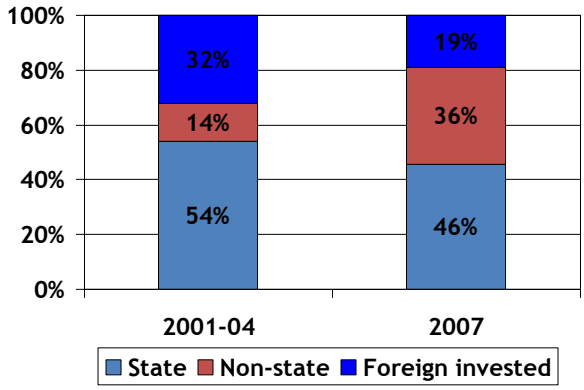


Nguồn: Ngân hàng Thế giới, World Development Indicators

Khả năng tăng trưởng bền vững

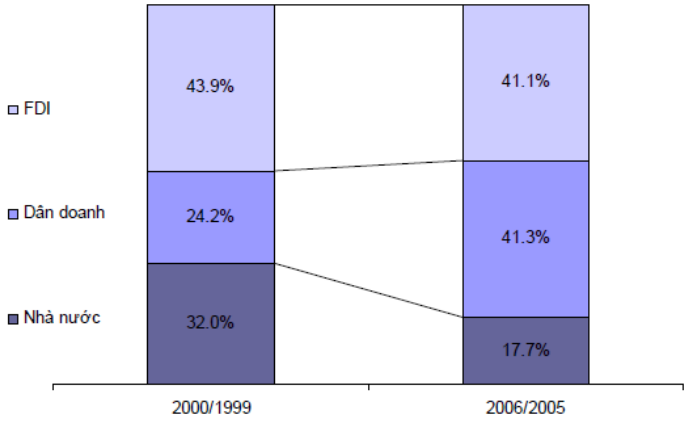
- Đầu tư với tỷ lệ so với GDP ngày một cao:
  - Nhưng, đầu tư (công và của DNNN) không hiệu quả
  - Tạo thâm hụt ngân sách
  - Tạo nhu cầu nhập khẩu lớn
- Tín dụng mở rộng nhằm tài trợ đầu tư
  - Nhưng, tốc độ tăng tín dụng quá cao so với tốc độ tăng GDP tạo áp lực lạm phát
  - Tín dụng chảy vào các thị trường tài sản làm nảy sinh bong bóng tài sản.
- Xuất khẩu tăng trưởng nhanh và đa dạng, đặc biệt là công nghiệp chế biến
  - Nhưng, xuất khẩu công nghiệp chế biến phải dựa nhiều vào nhập khẩu nguyên phụ liệu.
  - Chính sách thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp phụ trợ là thông qua các tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp nhà nước nhưng không hiệu quả.

Ba khu vực kinh tế Việt Nam



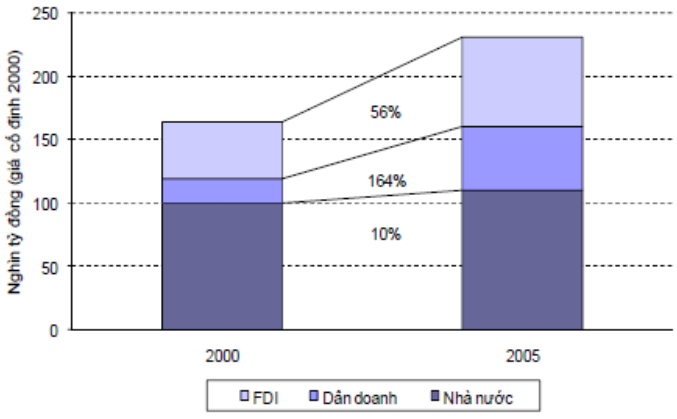
Source: FETP Policy Paper 3 (2008)

Đóng góp cho tăng trưởng theo khu vực



Source: Choosing Success (FETP 2008)

Đóng góp về giá trị gia tăng của ba khu vực



Source: Choosing Success (FETP 2008)

Thách thức với tăng trưởng của Việt Nam

1. Ổn định vĩ mô
2. Cải thiện khu vực DNNN
3. Xây dựng cơ sở hạ tầng
4. Tạo môi trường kinh doanh cạnh tranh
5. Phát triển giáo dục và đào tạo